

CÔNG ƯỚC
BẢO VỆ THỰC THỂ VẬT LIỆU HẠT NHÂN

Công ước Bảo vệ Thực thể vật liệu hạt nhân

Giới thiệu

Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân được ký tại Viên và New York ngày 3/3/1980. Công ước là văn kiện pháp lý quốc tế duy nhất trong lĩnh vực bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân. Công ước thiết lập những biện pháp liên quan tới ngăn chặn, phát hiện và trừng phạt những vi phạm liên quan tới vật liệu hạt nhân.

Hội nghị Ngoại giao tháng 7/2005 đã được triệu tập để sửa đổi và tăng cường các quy định của Công ước. Công ước sửa đổi yêu cầu các Quốc gia thành viên phải bảo vệ các cơ sở hạt nhân và vật liệu hạt nhân trong các hoạt động vì mục đích hòa bình trong nước, trong khi sử dụng, lưu giữ cũng như khi vận chuyển. Công ước cũng yêu cầu mở rộng hợp tác giữa các Quốc gia liên quan đến các biện pháp nhanh chóng tìm kiếm và thu hồi vật liệu hạt nhân bị lấy cắp hoặc buôn lậu, giảm thiểu hậu quả phóng xạ do phá hoại và ngăn chặn, chống lại những hành vi phạm tội liên quan.

Phần sửa đổi sẽ có hiệu lực khi được hai phần ba các Quốc gia thành viên Công ước phê chuẩn.

CÔNG ƯỚC BẢO VỆ THỰC THỂ VẬT LIỆU HẠT NHÂN

Các Quốc gia thành viên Công ước này

Thừa nhận quyền của tất cả các Quốc gia được phát triển và ứng dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hoà bình và những quan tâm chính đáng của họ đối với lợi ích tiềm tàng thu được từ việc ứng dụng hòa bình năng lượng hạt nhân,

Nhận thấy sự cần thiết thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc ứng dụng hoà bình năng lượng hạt nhân,

Mong muốn ngăn ngừa những nguy hiểm tiềm tàng do sự chiếm đoạt và sử dụng bất hợp pháp vật liệu hạt nhân,

Nhận thấy rằng những vi phạm liên quan đến vật liệu hạt nhân là một vấn đề rất đáng lo ngại, rằng cần cấp bách thông qua những biện pháp phù hợp và hữu hiệu để bảo đảm ngăn chặn, phát hiện và trừng phạt những vi phạm như vậy,

Nhận rõ sự cần thiết của sự hợp tác quốc tế nhằm thiết lập những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân theo đúng pháp luật quốc gia của mỗi Quốc gia thành viên và với Công ước này,

Tin tưởng rằng Công ước này sẽ thúc đẩy việc chuyển giao an toàn vật liệu hạt nhân,

Đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân trong việc sử dụng, lưu giữ và vận chuyển nội địa,

Thừa nhận tầm quan trọng của việc bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân dùng cho mục đích quân sự và hiểu rằng vật liệu này đang và sẽ tiếp tục được bảo vệ thực thể nghiêm ngặt,

Đồng ý như sau:

Điều 1

Trong Công ước này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a/ “Vật liệu hạt nhân” là plutoni, trừ loại có hàm lượng đồng vị plutoni-238 trên 80%; urani-233; urani giàu đồng vị 235 hoặc 233; urani chứa hỗn hợp các đồng vị có tỷ lệ như trong urani tự nhiên nhưng không phải loại urani ở dạng quặng hoặc bã quặng; bất kỳ vật liệu nào chứa một hay nhiều loại kể trên;
- b/ “Urani giàu đồng vị 235 hoặc 233” là urani chứa đồng vị 235 hoặc 233 hoặc cả hai với một lượng mà tỉ lệ khối lượng giữa tổng các đồng vị này với đồng vị 238 lớn hơn tỉ lệ giữa đồng vị 235 và đồng vị 238 trong tự nhiên.
- c/ “Vận chuyển hạt nhân quốc tế” là sự chuyên chở một lô hàng vật liệu hạt nhân bằng bất kỳ phương tiện vận chuyển nào, đi ra khỏi lãnh thổ của Quốc gia là xuất xứ của chuyến hàng, bắt đầu bằng việc khởi hành từ một cơ sở của bên gửi trong Quốc gia đó và kết thúc bằng việc đến một cơ sở của bên nhận thuộc Quốc gia nhận hàng cuối cùng.

Điều 2

1. Công ước này áp dụng cho vật liệu hạt nhân được sử dụng vì mục đích hòa bình trong quá trình vận chuyển hạt nhân quốc tế.
2. Trừ các Điều 3 và 4 và khoản 3 của Điều 5, Công ước này cũng áp dụng cho vật liệu hạt nhân dùng cho mục đích hòa bình trong quá trình sử dụng, lưu giữ và vận chuyển nội địa.
3. Ngoài những ràng buộc được các Quốc gia thành viên cam kết rõ ràng tại các điều liên quan đến khoản 2 đối với vật liệu hạt nhân được dùng cho mục đích hòa bình trong quá trình sử dụng, lưu giữ và vận chuyển nội địa, không một

quy định nào trong Công ước này được hiểu là làm ảnh hưởng đến quyền chủ quyền của một Quốc gia đối với việc sử dụng, lưu giữ và vận chuyển vật liệu hạt nhân trong Quốc gia đó.

Điều 3

Mỗi Quốc gia thành viên phải tiến hành các bước cần thiết mà thực tế cho phép trong khuôn khổ pháp luật quốc gia, phù hợp với pháp luật quốc tế để bảo đảm rằng trong quá trình vận chuyển hạt nhân quốc tế, vật liệu hạt nhân có mặt trong lãnh thổ của Quốc gia hoặc trên tàu thủy, máy bay thuộc quyền tài phán của Quốc gia và tàu thủy hoặc máy bay tham gia vào việc vận chuyển đến hay ra khỏi Quốc gia đó, được bảo vệ theo các mức quy định tại Phụ lục I.

Điều 4

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ không xuất khẩu hoặc cho phép xuất khẩu vật liệu hạt nhân trừ khi đã nhận được sự bảo đảm rằng vật liệu đó sẽ được bảo vệ trong suốt quá trình vận chuyển hạt nhân quốc tế theo các mức quy định tại Phụ lục I.
2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ không nhập khẩu hoặc cho phép nhập khẩu vật liệu hạt nhân từ một quốc gia không là thành viên Công ước này trừ khi đã nhận được sự bảo đảm rằng vật liệu đó sẽ được bảo vệ trong suốt quá trình vận chuyển hạt nhân quốc tế theo các mức quy định tại Phụ lục I.
3. Quốc gia thành viên sẽ không cho phép quá cảnh vật liệu hạt nhân giữa các quốc gia không phải thành viên Công ước qua lãnh thổ của mình bằng đường bộ, đường nội thủy hay quá cảnh các hải cảng, sân bay của mình trừ khi đã nhận được sự bảo đảm theo thực tế cho phép rằng vật liệu hạt nhân đó sẽ

được bảo vệ trong quá trình vận chuyển hạt nhân quốc tế theo các mức quy định tại Phụ lục I.

4. Trong khuôn khổ luật pháp quốc gia mình, mỗi Quốc gia thành viên phải áp dụng các mức bảo vệ thực thể quy định tại Phụ lục I đối với những vật liệu hạt nhân được vận chuyển từ vùng này đến vùng khác của quốc gia thông qua vùng biển hay vùng trời quốc tế.
5. Quốc gia thành viên có trách nhiệm nhận những bảo đảm rằng vật liệu hạt nhân sẽ được bảo vệ theo các mức được quy định ở Phụ lục 1 theo các quy định tại khoản 1 đến khoản 3, phải xác định và thông báo trước cho các quốc gia khác loại vật liệu hạt nhân dự định quá cảnh bằng đường bộ, đường thủy hoặc vật liệu hạt nhân sẽ được đưa vào sân bay hoặc hải cảng của quốc gia nào.
6. Theo thỏa thuận lẫn nhau, trách nhiệm phải có được những bảo đảm nêu trong khoản 1 có thể được chuyển giao cho Quốc gia thành viên tham gia vào vận chuyển như là Quốc gia nhập khẩu.
7. Không có quy định nào trong Điều này được hiểu, theo bất kỳ cách nào, là làm ảnh hưởng đến chủ quyền lãnh thổ và quyền tài phán của một Quốc gia, bao gồm cả quyền đối với vùng trời và vùng biển của quốc gia đó.

Điều 5

1. Các Quốc gia thành viên phải xác định và thông báo cho nhau biết, một cách trực tiếp hoặc thông qua Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế, về cơ quan có thẩm quyền trung ương và đầu mối liên hệ có trách nhiệm trong việc bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và trong việc điều phối các hoạt động thu hồi và ứng phó trong trường hợp có sự di dời, sử dụng hoặc biến đổi trái

phép vật liệu hạt nhân hoặc khi có nguy cơ rõ ràng về những điều đó.

2. Trong trường hợp vật liệu hạt nhân bị mất trộm, cướp hoặc chiếm đoạt theo bất kỳ hình thức bất hợp pháp nào hoặc có nguy cơ rõ ràng về những điều đó, các Quốc gia thành viên phải, phù hợp với luật pháp quốc gia mình, hợp tác và hỗ trợ ở mức tối đa có thể được cho quốc gia yêu cầu hợp tác, hỗ trợ để thu hồi và bảo vệ vật liệu đó. Cụ thể là:

a) Quốc gia thành viên phải thực hiện những bước thích hợp để thông báo sớm nhất có thể về mọi vụ trộm, cướp hay chiếm đoạt bất hợp pháp vật liệu hạt nhân hoặc nguy cơ rõ ràng về những việc đó cho các quốc gia khác có khả năng liên quan và nếu cần thiết, thông báo cho các tổ chức quốc tế liên quan;

b) Tùy trường hợp, các Quốc gia thành viên có liên quan phải trao đổi thông tin với nhau hoặc với các tổ chức quốc tế nhằm mục đích bảo vệ vật liệu hạt nhân đang bị đe dọa, kiểm chứng sự toàn vẹn của công-ten-nơ vận chuyển hoặc để thu hồi vật liệu hạt nhân bị chiếm đoạt bất hợp pháp và phải:

i) phối hợp các nỗ lực của họ qua kênh ngoại giao hoặc các kênh khác theo thỏa thuận;

ii) cung cấp sự trợ giúp, nếu được yêu cầu;

iii) bảo đảm trả lại vật liệu hạt nhân bị lấy cắp hoặc thất lạc do hậu quả của những sự kiện nói trên.

Cách thức thực hiện sự hợp tác này sẽ do các Quốc gia thành viên có liên quan xác định.

3. Trường hợp cần thiết, các Quốc gia thành viên phải hợp tác và tư vấn lẫn nhau, trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức quốc tế, với quan điểm để có được

các hướng dẫn về thiết kế, bảo trì và cải thiện các hệ thống bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân trong vận chuyển hạt nhân quốc tế.

Điều 6

1. Các Quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp thích hợp, phù hợp với luật pháp quốc gia mình để bảo vệ bí mật của bất kỳ thông tin nào mà họ nhận được, theo quy định bảo mật của các điều khoản của Công ước này, từ một Quốc gia thành viên khác hoặc thông qua việc tham gia vào một hoạt động được tiến hành để thực hiện Công ước này. Nếu các Quốc gia thành viên cung cấp thông tin cho các tổ chức quốc tế theo quy định bảo mật thì cần phải thực hiện các bước để bảo vệ tính bí mật của thông tin đó.
2. Các Quốc gia thành viên sẽ không bị yêu cầu theo Công ước này cung cấp bất kỳ thông tin nào mà họ không được phép cung cấp theo luật pháp quốc gia hoặc nếu thông tin đó có thể gây phương hại đến an ninh của quốc gia liên quan hoặc phương hại đến việc bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân.

Điều 7

1. Việc cố ý thực hiện những hành vi sau đây sẽ được mỗi Quốc gia thành viên khép vào tội bị xử phạt theo pháp luật của quốc gia đó:
 - a) Hành vi không được phép một cách hợp pháp tiếp nhận, sở hữu, sử dụng, chuyển giao, biến đổi, thải bỏ hay phát tán vật liệu hạt nhân và những việc đó gây ra hoặc có thể gây ra tử vong hoặc tổn thương nghiêm trọng cho bất kỳ người nào hoặc gây thiệt hại đáng kể về tài sản;
 - b) Lấy cắp hoặc cướp đoạt vật liệu hạt nhân;

- c) Biền thủ hoặc lừa đảo để chiếm được vật liệu hạt nhân;
 - d) Đòi hỏi có được vật liệu hạt nhân bằng cách đe dọa hoặc sử dụng vũ lực hoặc bất kỳ hình thức hăm dọa nào;
 - e) Đe dọa:
 - i) sử dụng vật liệu hạt nhân để gây chết người hoặc gây tổn thương nghiêm trọng cho bất kỳ người nào hoặc gây thiệt hại đáng kể về tài sản, hoặc
 - ii) thực hiện hành vi nêu ở khoản (b) để ép buộc một cá nhân, pháp nhân, tổ chức quốc tế hoặc quốc gia phải làm hay không được làm một việc nào đó;
 - f) Cố gắng thực hiện tội nêu tại các khoản (a), (b) hoặc (c); và
 - g) Hành vi tham gia vào bất kỳ tội nào nêu ở các khoản từ (a) đến (f).
2. Mỗi Quốc gia thành viên phải khép các tội nêu trong điều này vào các khung hình phạt thích đáng, có tính tới bản chất nghiêm trọng của sự phạm tội.

Điều 8

1. Khi cần thiết, mỗi Quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp để xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội nêu tại Điều 7 trong những trường hợp sau:
- a) Khi hành vi phạm tội xảy ra trong lãnh thổ của quốc gia đó hoặc trên tàu thủy, máy bay được đăng ký tại quốc gia đó;
 - b) Khi người bị tuyên bố phạm tội là công dân của quốc gia đó.
2. Mỗi Quốc gia thành viên cũng phải thực hiện các biện pháp khi cần thiết để

xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội này trong trường hợp người bị tuyên bố phạm tội trình diện trong lãnh thổ của quốc gia đó và quốc gia không dẫn độ người phạm tội theo Điều 11 sang bất kỳ quốc gia nào nêu tại khoản 1.

3. Công ước này không loại trừ bất kỳ quyền xét xử hình sự nào được thực hiện theo luật quốc gia.
4. Ngoài các Quốc gia thành viên được nêu trong các khoản 1 và 2, mỗi Quốc gia thành viên có thể, phù hợp với luật pháp quốc tế, thiết lập quyền tài phán của mình đối với các tội nêu trong Điều 7 nếu quốc gia đó tham gia vào việc vận chuyển hạt nhân quốc tế với tư cách là quốc gia xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

Điều 9

Khi thấy rõ các tình tiết chứng minh được sự phạm tội, Quốc gia thành viên mà người bị tuyên bố phạm tội đang có mặt trong lãnh thổ của quốc gia đó phải thực hiện các biện pháp thích đáng, bao gồm cả việc tạm giữ theo luật quốc gia nhằm đảm bảo người đó sẽ có mặt khi khởi tố hoặc dẫn độ. Những biện pháp được thực hiện theo Điều này phải được nhanh chóng thông báo cho các quốc gia cần phải xác lập quyền tài phán theo Điều 8 và trong trường hợp cần thiết, thông báo cho tất cả các quốc gia có liên quan khác.

Điều 10

Nếu một người bị tuyên bố phạm tội đang có mặt trong lãnh thổ của một Quốc gia thành viên và quốc gia đó không dẫn độ người này thì bất kể vì lý do gì và không được trì hoãn quá đáng, quốc gia phải chuyển vụ án cho các cơ quan có

thẩm quyền của mình để khởi tố thông qua những thủ tục tố tụng theo của luật quốc gia.

Điều 11

1. Những tội nêu tại Điều 7 phải được coi là những tội có thể được dẫn độ trong bất kỳ điều ước dẫn độ nào đang có hiệu lực giữa các Quốc gia thành viên. Các Quốc gia thành viên cam kết đưa những tội nói trên thành những tội có thể được dẫn độ trong các điều ước dẫn độ sẽ được ký kết giữa các quốc gia với nhau.
2. Nếu một Quốc gia thành viên thực hiện việc dẫn độ dựa trên một điều ước hiện hành nhận được yêu cầu dẫn độ từ một quốc gia khác mà họ chưa ký với nhau một điều ước dẫn độ nào, thì quốc gia đó, tùy vào sự lựa chọn của mình, có thể coi Công ước này là cơ sở pháp lý để dẫn độ người phạm tội. Việc dẫn độ phải tuân thủ thêm các điều kiện khác được quy định trong luật của quốc gia được yêu cầu.
3. Những Quốc gia thành viên hiện không tiến hành việc dẫn độ người phạm tội theo một điều ước dẫn độ, sẽ thừa nhận với nhau rằng những tội nói trên là những tội có thể được dẫn độ theo các quy định trong luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ.
4. Đối với việc dẫn độ giữa các Quốc gia thành viên, việc phạm tội phải được xử lý như đã xảy ra không chỉ ở nơi đã xảy ra thực sự mà còn trong lãnh thổ của quốc gia đã xác lập quyền tài phán của mình theo khoản 1 Điều 8.

Điều 12

Bất kỳ người nào đang chịu tố tụng do liên quan đến bất kỳ tội nào nêu tại Điều 7 phải được bảo đảm đối xử công bằng trong mọi giai đoạn tố tụng.

Điều 13

1. Các Quốc gia thành viên sẽ giành cho nhau biện pháp tương trợ cao nhất trong các tố tụng hình sự liên quan tới các tội được nêu tại Điều 7, bao gồm cả việc cung cấp bằng chứng sẵn có cần thiết cho việc tố tụng. Luật của quốc gia được yêu cầu trợ giúp sẽ được áp dụng trong tất cả các vụ án.
2. Các quy định của khoản 1 sẽ không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ theo bất kỳ một điều ước song phương hoặc đa phương nào đang hoặc sẽ điều chỉnh, toàn bộ hoặc một phần, tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự.

Điều 14

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông báo cho cơ quan lưu chiểu các luật và quy định của mình để hiệu lực hóa Công ước. Cơ quan lưu chiểu sẽ thông báo định kỳ những thông tin đó cho tất cả các Quốc gia thành viên.
2. Quốc gia thành viên, mà ở đó người bị nghi là vi phạm bị khởi tố, nếu có thể, trước tiên sẽ thông báo về kết quả cuối cùng của việc khởi tố cho các quốc gia có liên quan trực tiếp. Quốc gia thành viên đó cũng sẽ thông báo kết quả cuối cùng cho cơ quan lưu chiểu và cơ quan này sẽ thông báo cho tất cả các Quốc gia.
3. Nếu hành vi vi phạm liên quan đến vật liệu hạt nhân được dùng cho mục đích hòa bình và đang được sử dụng, lưu giữ hoặc vận chuyển nội địa, và nếu cả vật liệu hạt nhân và người bị tình nghi vẫn còn ở lãnh thổ của Quốc gia

thành viên nơi hành vi vi phạm xảy ra, thì không một điều nào trong Công ước này sẽ được giải thích là yêu cầu Quốc gia thành viên đó phải cung cấp thông tin liên quan đến các thủ tục tố tụng hình sự nảy sinh từ sự vi phạm đó.

Điều 15

Các Phụ lục là phần không tách rời của Công ước này.

Điều 16

1. Hội nghị các Quốc gia thành viên sẽ được cơ quan lưu chiểu triệu tập năm năm sau khi Công ước này có hiệu lực để xem xét việc thực hiện Công ước, tính hợp lý của Công ước như được nói trong lời mở đầu, toàn bộ phần chính và các phụ lục của Công ước trong tình hình thực tế.
2. Trong khoảng thời gian không ít hơn năm năm sau Hội nghị trên, nếu đa số các Quốc gia thành viên đề nghị với cơ quan lưu chiểu thì có thể triệu tập các hội nghị với cùng mục đích trên.

Điều 17

1. Trong trường hợp có sự tranh chấp giữa hai hay nhiều Quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước, các Quốc gia thành viên này sẽ bàn bạc, giải quyết bằng đàm phán hay bằng các hình thức hoà bình khác để giải quyết các tranh chấp có thể chấp nhận được cho tất cả các bên.
2. Bất kỳ tranh chấp nào có tính chất như trên mà không thể giải quyết được theo các hình thức quy định ở khoản 1 thì theo yêu cầu của bất kỳ bên nào trong tranh chấp, sẽ được đưa ra trọng tài hay Tòa án Quốc tế để quyết định.

Trường hợp tranh chấp được đưa ra trọng tài, nếu trong vòng 6 tháng kể từ ngày có yêu cầu, các bên tranh chấp không thể thỏa thuận được về việc thành lập trọng tài thì một bên có thể yêu cầu Chủ tịch Tòa án Quốc tế hoặc Tổng thư ký Liên hợp Quốc chỉ định một hay nhiều trọng tài. Trường hợp có xung đột giữa các yêu cầu của các bên tranh chấp, thì yêu cầu gửi cho Tổng Thư ký Liên hợp Quốc được ưu tiên.

3. Mỗi Quốc gia thành viên, tại thời điểm ký, phê duyệt, chấp nhận, phê chuẩn hay gia nhập Công ước này có thể tuyên bố rằng Quốc gia đó không coi mình bị ràng buộc bởi một hay cả hai thủ tục giải quyết tranh chấp nêu ở khoản 2. Các Quốc gia thành viên khác khi giải quyết bất đồng với một Quốc gia thành viên bảo lưu về một hình thức nào đó nêu ở khoản 2 thì cũng sẽ không bị ràng buộc bởi hình thức đó.
4. Bất kỳ Quốc gia thành viên nào đã bảo lưu theo khoản 3 cũng có thể rút lại sự bảo lưu đó vào bất kỳ lúc nào bằng cách thông báo cho cơ quan lưu chiểu.

Điều 18

1. Công ước này được mở để ký cho tất cả các Quốc gia tại Trụ sở Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế ở Viên và tại Trụ sở Liên Hợp Quốc ở New York từ ngày 3 tháng 3 năm 1980 cho đến khi Công ước có hiệu lực.
2. Công ước này phải được phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt bởi các Quốc gia ký Công ước.
3. Sau khi có hiệu lực, Công ước này sẽ được mở để tất cả các Quốc gia gia nhập.
4. (a) Công ước này được mở để ký hoặc gia nhập cho các tổ chức quốc tế và

các tổ chức khu vực, như một thể thống nhất hoặc có tính chất khác, miễn là các tổ chức như vậy được cấu thành bởi các quốc gia có chủ quyền và có thẩm quyền đối với việc đàm phán, ký kết và áp dụng các thỏa thuận quốc tế về các vấn đề được quy định trong Công ước này.

- b) Trong những vấn đề thuộc thẩm quyền, các tổ chức này, với tư cách của chính mình, sẽ thực hiện các quyền và hoàn thành các trách nhiệm mà Công ước quy định cho các Quốc gia thành viên.
 - c) Khi trở thành thành viên Công ước, tổ chức sẽ gửi cho cơ quan lưu trữ một tuyên bố chỉ rõ các quốc gia nào là thành viên của mình và những điều nào của Công ước không áp dụng cho tổ chức đó.
 - d) Một tổ chức như vậy sẽ không có bất kỳ phiếu bầu nào thêm vào các phiếu bầu của các nước thành viên của mình.
5. Các văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập sẽ được lưu tại cơ quan lưu trữ.

Điều 19

1. Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi kể từ ngày lưu trữ văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt thứ hai mươi một ở cơ quan lưu trữ.
2. Đối với mỗi Quốc gia phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước sau ngày lưu trữ văn kiện thứ hai mươi một về phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt thì Công ước sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi sau ngày Quốc gia đó gửi lưu trữ văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập cho cơ quan lưu trữ.

Điều 20

1. Không làm ảnh hưởng tới điều 16, một Quốc gia thành viên có thể đề nghị sửa đổi Công ước. Đề nghị sửa đổi phải được gửi cho cơ quan lưu chiểu và cơ quan này sẽ thông báo ngay cho tất cả các Quốc gia thành viên. Nếu đa số các Quốc gia thành viên yêu cầu cơ quan lưu chiểu triệu tập một hội nghị để xem xét các sửa đổi được đề nghị thì cơ quan này sẽ mời tất cả các Quốc gia thành viên tới dự hội nghị, không sớm hơn 30 ngày sau khi gửi giấy mời. Bất kỳ sửa đổi nào được thông qua tại hội nghị bởi 2/3 tổng số các Quốc gia thành viên Công ước sẽ được cơ quan lưu chiểu thông báo ngay cho tất cả các Quốc gia thành viên.
2. Sửa đổi có hiệu lực đối với mỗi Quốc gia thành viên đã gửi lưu chiểu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt sửa đổi đó vào ngày thứ 30 sau ngày mà 2/3 các Quốc gia thành viên Công ước đã gửi lưu chiểu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt của họ cho cơ quan lưu chiểu. Sau đó, sửa đổi sẽ có hiệu lực đối với bất kỳ Quốc gia thành viên nào khác vào ngày quốc gia đó gửi lưu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt sửa đổi.

Điều 21

1. Bất kỳ Quốc gia thành viên nào cũng có quyền tuyên bố bãi ước Công ước này bằng cách gửi văn bản thông báo cho cơ quan lưu chiểu.
2. Một trăm tám mươi ngày sau khi cơ quan lưu chiểu nhận được thông báo, việc bãi ước sẽ có hiệu lực.

Điều 22

Cơ quan lưu chiếu sẽ thông báo ngay cho tất cả các Quốc gia về:

- a/ Việc ký Công ước này;
- b/ Việc nộp lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập;
- c/ Bất kỳ sự bảo lưu hay rút lại bảo lưu nào theo Điều 17;
- d/ Mọi thông báo được một tổ chức gửi tới theo khoản 4(c) Điều 18;
- e/ Việc Công ước bắt đầu có hiệu lực;
- f/ Việc một sửa đổi của Công ước bắt đầu có hiệu lực; và
- g/ Bất kỳ sự bãi ước nào theo Điều 21.

Điều 23

Nguyên bản của Công ước này, với các ngôn ngữ Ả-rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha có giá trị ngang nhau, được lưu chiếu bởi Tổng Giám đốc Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế, người sẽ gửi các bản sao có chứng thực cho tất cả các Quốc gia.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây, được uỷ quyền đầy đủ, đã ký vào Công ước này, và mở cho ký Công ước tại Viên và New York vào ngày 3 tháng 3 năm 1980.

PHỤ LỤC I

Các mức Bảo vệ thực thể được áp dụng trong vận chuyển quốc tế vật liệu hạt nhân như được phân loại ở Phụ lục II

1. Các mức bảo vệ thực thể đối với vật liệu hạt nhân trong quá trình lưu giữ liên quan đến vận chuyển hạt nhân quốc tế bao gồm:
 - a) Đối với vật liệu Loại III, lưu giữ trong khu vực có sự kiểm soát ra, vào;
 - b) Đối với vật liệu Loại II, lưu giữ trong khu vực đặt dưới sự giám sát thường xuyên của lực lượng canh gác hoặc thiết bị điện tử, có hàng rào vật lý bao quanh với số điểm vào được đặt dưới sự kiểm soát thích đáng, hoặc trong bất kỳ khu vực nào có mức bảo vệ thực thể tương đương;
 - c) Đối với vật liệu Loại I, lưu giữ trong khu vực được bảo vệ như đối với Loại II ở trên, ngoài ra, quyền ra vào khu vực đó chỉ dành cho những người đã được xác định nhân thân tin cậy và khu vực được đặt dưới sự giám sát bởi lực lượng canh gác có liên lạc chặt chẽ với lực lượng ứng phó. Các biện pháp đặc thù được áp dụng trong phạm vi này cần có mục tiêu phát hiện và ngăn chặn mọi hành động tấn công, tiếp cận trái phép hoặc di dời trái phép vật liệu hạt nhân.
2. Các mức bảo vệ thực thể đối với vật liệu hạt nhân trong quá trình vận chuyển quốc tế bao gồm:
 - a) Đối với vật liệu Loại II và III, việc vận chuyển được tiến hành với sự phòng ngừa đặc biệt, bao gồm việc có dàn xếp trước giữa bên gửi, bên nhận và bên vận chuyển, và các cá nhân, pháp nhân chịu tài phán và chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của quốc gia xuất khẩu và nhập khẩu

đồng ý với nhau từ trước về thời gian, địa điểm và thủ tục chuyển giao trách nhiệm vận chuyển;

- b) Đối với vật liệu Loại I, việc vận chuyển được tiến hành với sự phòng ngừa đặc biệt như đối với việc vận chuyển vật liệu Loại II và III nói trên và ngoài ra, có sự giám sát thường xuyên của những người hộ tống với các điều kiện đảm bảo được sự liên lạc chặt chẽ với các lực lượng ứng phó thích hợp;
- c) Đối với uran tự nhiên nhưng không ở dạng quặng hoặc bã quặng, việc bảo vệ trong khi vận chuyển một khối lượng vượt quá 500 kg uran phải bao gồm cả việc thông báo trước về đợt vận chuyển chỉ rõ phương thức vận chuyển, thời gian dự kiến hàng đến và xác nhận của bên nhận được hàng.

PHỤ LỤC II

Bảng phân loại vật liệu hạt nhân

Vật liệu	Dạng	Loại		
		I	II	III ^{c/}
1. Plutoni ^{a/}	Chưa chiếu xạ ^{b/}	2 kg trở lên	Dưới 2 kg nhưng trên 500g	500g trở xuống nhưng trên 15g
2. Urani-235	Chưa chiếu xạ ^{b/}	5 kg trở lên	Dưới 5 kg nhưng trên 1 kg	1 kg trở xuống nhưng trên 15g
	- Urani có độ giàu ²³⁵ U từ 20% trở lên		10 kg trở lên	Dưới 10 kg nhưng trên 1 kg
	- Urani có độ giàu ²³⁵ U từ 10% đến dưới 20%			10 kg trở lên
3. Urani-233	Chưa chiếu xạ	2 kg trở lên	Dưới 2 kg nhưng trên 500g	500 g hay dưới nhưng trên 15g

4. Nhiên liệu bị chiếu xạ			Urani nghèo hoặc uran tự nhiên, Thori hoặc nhiên liệu có độ giàu thấp (dưới 10% hàm lượng phân hạch) ^{d/e}	
---------------------------	--	--	---	--

Chú thích :

- a/ Tất cả Plutoni trừ loại có hàm lượng đồng vị Plutoni-238 trên 80%.
- b/ Vật liệu không bị chiếu xạ trong lò phản ứng hoặc vật liệu đã bị chiếu xạ trong lò phản ứng nhưng với mức bức xạ từ 10 rads/h trở xuống ở khoảng cách 1 mét không có che chắn
- c/ Những lượng không thuộc Loại III và uran tự nhiên sẽ được bảo vệ phù hợp với thực tiễn quản lý thận trọng.
- d/ Mặc dù đây là mức bảo vệ được khuyến cáo, các quốc gia có thể ấn định một loại khác để bảo vệ thực thể dựa trên việc đánh giá những tình huống cụ thể.
- e/ Loại nhiên liệu khác mà trước khi chiếu xạ được phân vào Loại I và II do có chứa chất phân hạch thì có thể được hạ xuống một mức phân loại trong khi mức bức xạ từ nhiên liệu ấy vượt quá 100rads/h ở khoảng cách 1 mét không có che chắn.